

Số: 18/GT-VHG
"V/v: Giải trình chênh lệch
BCTC năm 2018 trước và sau kiểm
toán"

Quảng Nam, ngày 11 tháng 04 năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

1/ Tổ chức niêm yết : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM
2/ Tên giao dịch : QUANG NAM RUBBER INVESTMENT JSC
3/ Địa chỉ trụ sở chính : Lô 04 KCN Điện Nam Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
4/ Điện thoại : (84) 235 3947234 Fax: (84) 235 3946333
5/ Mã chứng khoán : VHG
6/ Nội dung:
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam giải trình chênh lệch trên BCTC năm 2018 trước và sau kiểm toán như sau :

TẠI BẢNG CDKT CÔNG TY MẸ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	Ghi chú
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	60,000,000	48,000,000	(12,000,000)	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(290,000,000)	(302,000,000)	(12,000,000)	(1)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	43,686,621,590	43,204,166,108	(482,455,482)	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(83,124,502,911)	(83,606,958,393)	(482,455,482)	(2)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	402,459,082,587	303,330,684,885	(99,128,397,702)	
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(674,976,428,185)	(774,104,825,887)	(99,128,397,702)	(3)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	446,358,952,662	346,736,099,478	(99,622,853,184)	
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400	397,677,063,579	298,054,210,395	(99,622,853,184)	
I. Vốn chủ sở hữu	410	397,677,063,579	298,054,210,395	(99,622,853,184)	(4)
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(1,128,492,051,305)	(1,228,114,904,489)	(99,622,853,184)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(202,391,826,577)	(302,014,679,761)	(99,622,853,184)	(5)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	446,358,952,662	346,736,099,478	(99,622,853,184)	

TẠI BẢNG KQKD CÔNG TY MẸ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	201,458,535,443	300,598,933,145	99,140,397,702	(6)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	978,042,349	1,460,497,831	482,455,482	(7)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(202,362,790,111)	(301,985,643,295)	(99,622,853,184)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(202,391,826,577)	(302,014,679,761)	(99,622,853,184)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(202,391,826,577)	(302,014,679,761)	(99,622,853,184)	

TẠI BẢNG CDKT HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	60,000,000	48,000,000	(12,000,000)	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(290,000,000)	(302,000,000)	(12,000,000)	(8)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	62,507,911,283	62,025,955,801	(481,955,482)	
1. Phải thu khách hàng	131	10,119,298,506	10,669,298,506	550,000,000	(9)
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	124,044,418,333	123,494,918,333	(549,500,000)	(10)
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(83,124,502,911)	(83,606,958,393)	(482,455,482)	(11)
II. Tài sản cố định	220	80,629,517,120	81,951,686,928	1,322,169,808	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	80,629,517,120	81,951,686,928	1,322,169,808	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(28,006,798,099)	(26,684,628,291)	1,322,169,808	(12)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	47,411,205,118	47,420,816,227	9,611,109	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	47,411,205,118	47,420,816,227	9,611,109	(13)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	247,777,030,801	251,803,116,659	4,026,085,858	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	151,900,000,000	151,864,154,666	(35,845,334)	(14)
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(41,916,479,971)	(37,854,548,779)	4,061,931,192	(15)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	8,709,755,227	8,770,681,726	60,926,499	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8,709,755,227	8,770,681,726	60,926,499	(16)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	451,240,103,760	456,164,941,552	4,924,837,792	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	175,440,060,207	202,104,515,375	26,664,455,168	
I. Nợ ngắn hạn	310	45,800,168,413	45,800,668,411	499,998	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	34,430,784,994	34,431,284,994	500,000	(17)
II. Nợ dài hạn	330	129,639,891,794	156,303,846,964	26,663,955,170	
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	127,293,133,297	153,957,088,467	26,663,955,170	(18)
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400	275,800,043,553	254,060,426,177	(21,739,617,376)	
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	275,800,043,553	254,060,426,177	(21,739,617,376)	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(1,255,785,184,602)	(1,276,633,742,871)	(20,848,558,269)	(19)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(1,016,218,003,114)	(1,016,219,355,155)	(1,352,041)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(239,567,181,488)	(260,414,387,716)	(20,847,206,228)	
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	5,416,113,271	4,525,054,164	(891,059,107)	(20)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	451,240,103,760	456,164,941,552	4,924,837,792	

TẠI BẢNG KQKD HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	
1. Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1	7,426,599,122	7,926,599,122	500,000,000	(21)
3. Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10	7,426,599,122	7,926,599,122	500,000,000	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	7,353,067,780	12,199,282,145	4,846,214,365	(22)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20	73,531,342	(4,272,683,023)	(4,346,214,365)	
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	190,434,544,581	186,391,373,600	(4,043,170,981)	(23)
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24	-	(35,845,334)	(35,845,334)	(24)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8,409,434,713	7,499,182,779	(910,251,934)	(25)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(198,770,003,304)	(198,198,640,088)	571,363,216	
12. Thu nhập khác	31	500,000,000	-	(500,000,000)	(26)
13. Chi phí khác	32	9,737,062,127	4,890,847,762	(4,846,214,365)	(27)

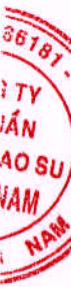
14.Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(9,237,062,127)	(4,890,847,762)	4,346,214,365	
15.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(208,007,065,431)	(203,089,487,850)	4,917,577,581	
17.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37,175,354,911	63,837,958,038	26,662,603,127	(28)
18.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(245,182,420,342)	(266,927,445,888)	(21,745,025,546)	
19.Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	(239,567,181,488)	(260,414,387,716)	(20,847,206,228)	
20.Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(5,615,238,854)	(6,513,058,172)	(897,819,318)	

Trong kỳ, khi thực hiện kiểm toán, đơn vị kiểm toán có yêu cầu Công ty trích lập thêm dự phòng một số khoản như sau: đầu tư cổ phiếu vào Cty TM&DV Dầu khí Vũng Tàu (VMG) thêm 12.000.000 đồng (1), tăng trích lập dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ số tiền 482.455.482 đồng (2), dự phòng tài chính dài hạn tăng 99.128.397.702 đồng (3) là do tăng trích lập dự phòng vào 02 Cty con là: Công ty CP khoáng sản Quảng Nam và Cty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam số tiền 27.838.920.199 đồng, trích lập dự phòng vào Cty liên kết Công ty CP SX ứng dụng công nghệ cao Thái Sơn số tiền: 73.515.148.870 đồng, hoàn nhập dự phòng Công ty CP Phát triển BĐS Tây Hồ Tây số tiền: 2.225.671.367 đồng. Việc tăng (1) và (3) cộng lại lý giải cho chênh lệch mục (6) trên Báo cáo kết quả kinh doanh Công ty mẹ, mục (2) kiểm toán yêu cầu tăng trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 482,455,482 đồng tương ứng mục (7) trên Báo cáo kết quả kinh doanh Công ty mẹ.

Tại Bảng CĐKT Hợp nhất mục (8) tương ứng mục (1) trên CĐKT Cty mẹ, trong năm tại Công ty con là Cty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam có bán hàng hóa trong kỳ số tiền 550.000.000 đồng bao gồm VAT 10% (9) tuy nhiên do sai sót hạch toán, nên kiểm toán yêu cầu điều chỉnh lại cho phù hợp, khiến cho phải thu khác giảm số tương ứng (10), mục (11) tương ứng mục (2) trên CĐKT Công ty mẹ.

Giá trị hao mòn lũy kế giảm 1.322.169.808 đồng (12) là do trong kỳ tiền khấu hao tiền thuê đất tại Cty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam được tính toán chưa chính xác so với kiểm toán. Mặt khác, việc tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang 9.611.109 đồng (13), giảm giá trị đầu tư vào công ty liên kết Công ty CP SX ứng dụng công nghệ cao Thái Sơn 35.845.334 đồng (14), tính giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào các Cty số tiền: 4.016.931.192 đồng (15), tăng chi phí trả trước dài hạn phần tiền thuê đất tại Công ty con Cty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam 60.926.499 đồng (16), tính lại làm tăng số thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ 26.663.955.170 đồng (18), dẫn đến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên CĐKT Hợp nhất lỗ thêm 20.848.558.269 đồng (19) và lợi ích của cổ đông không kiểm soát giảm 891.059.107 đồng (20)

Mục (9) của CĐKT Hợp nhất sau khi loại thuế GTGT 10% tương ứng mục (21) trên KQKD hợp nhất, việc hạch toán lại theo điều chỉnh của kiểm toán liên quan đến mục (9) làm cho giá vốn tăng tương ứng 4.846.214.365 đồng (22) và (27), cộng mục (8) và (15) và điều chỉnh số liệu đầu kỳ ghi giảm 6.760.211 đồng trên chi phí tài chính trong kỳ sẽ là mục (23), cộng mục (11) (12) (13) và (16) sẽ là mục (25) trên KQKD hợp nhất, mục (24) tương ứng với mục (14), mục (26) điều chỉnh về mục (21) do ghi nhận nhầm doanh thu về phải thu khác, mục (28) tương ứng mục (18) trừ đi 1.352.041 tại phần điều chỉnh LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước trên CĐKT hợp nhất.



Trên đây là giải trình chênh lệch trên BCTC mẹ và hợp nhất trước và sau kiểm toán, Công ty chúng tôi cam kết số liệu trên là đúng và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trên số liệu này.

Nơi gửi: - Như trên;
- Lưu VT;



T.C.P.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
CAO SU QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Nam, ngày 11 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam

Mã chứng khoán: VHG

Địa chỉ trụ sở chính: lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 02353.947234

Fax: 02353.946333

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Khiếu Phương

Địa chỉ: Số 33 Đường An Thượng 6, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0966714682

Fax: 02353.946333

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*): Công bố thông tin Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11/04/2019 tại đường dẫn: <http://www.qnr.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và các tài liệu có liên quan

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**KẾ TOÁN TRƯỞNG
Lê Khiếu Phương**